

# CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

## CTCP Tập đoàn 911

Ngày 15/01/2024	<b>10,800 VNĐ</b>		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.4%	26.8%	46.0%

**DT thuần**  
Q4/23

**0**  
tỷ VNĐ

**LN thuần**  
Q4/23

**0**  
tỷ VNĐ

**LN sau thuế**  
Q4/23

**0**  
tỷ VNĐ

**Tỷ lệ lãi EBIT**  
2023

**5.2%**

YoY: +/-▲ 1.0%

**ROE**  
2023

**5.5%**

YoY: +/-▼ 9.7%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,449 - 11,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	259
Số lượng CPLH (CP)	24,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	144,825
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	0.34
EPS	703
P/E	16.2

**DT thuần**  
2023

**611**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼714| -53.9%

**LN thuần**  
2023

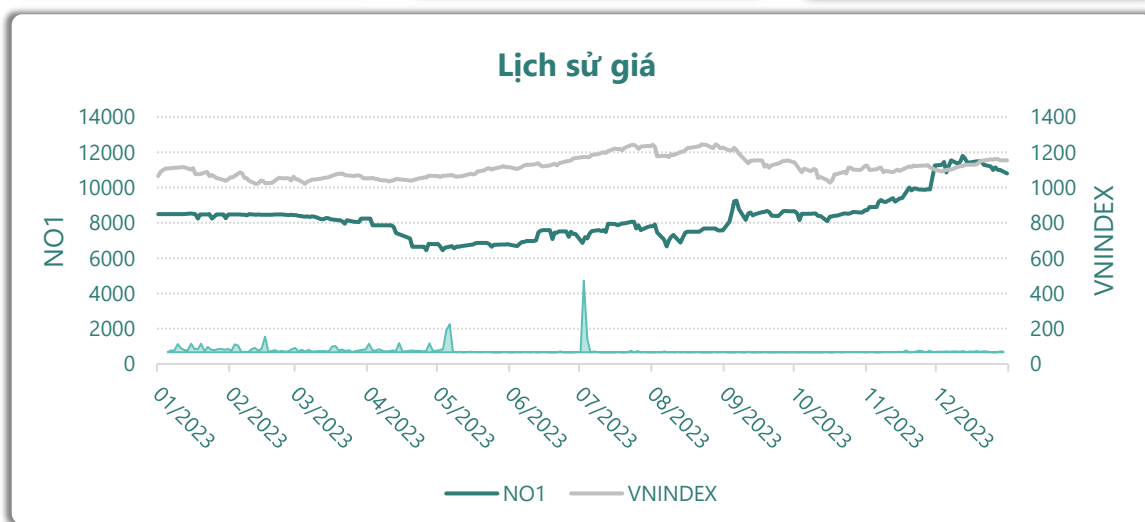
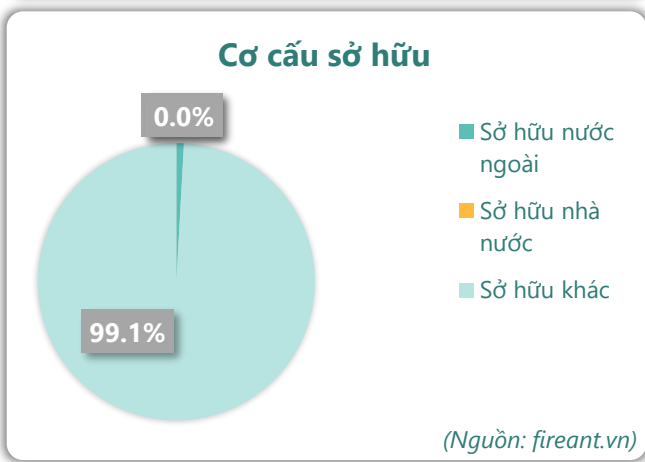
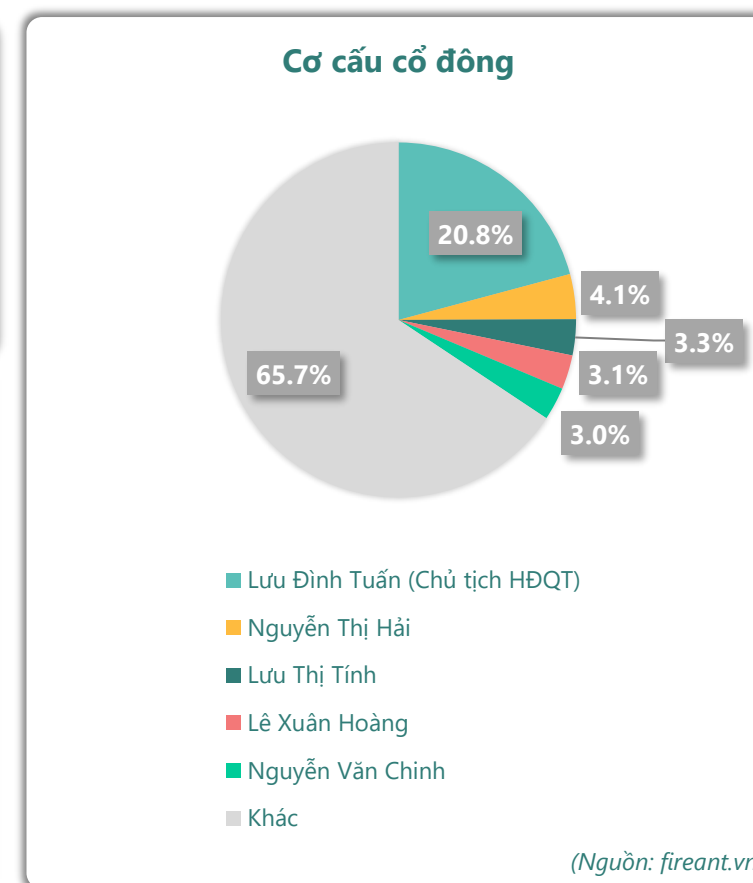
**19.9**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼32.5| -62.1%

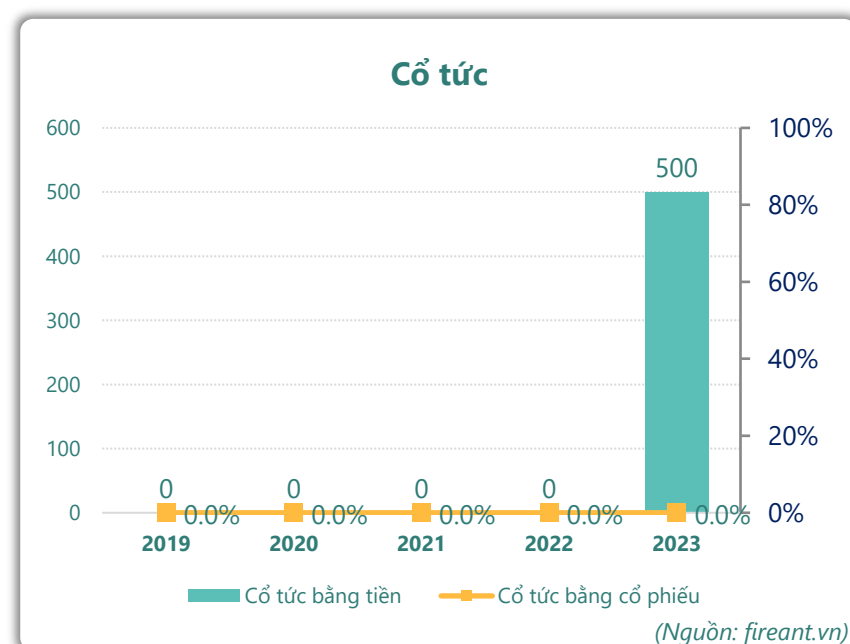
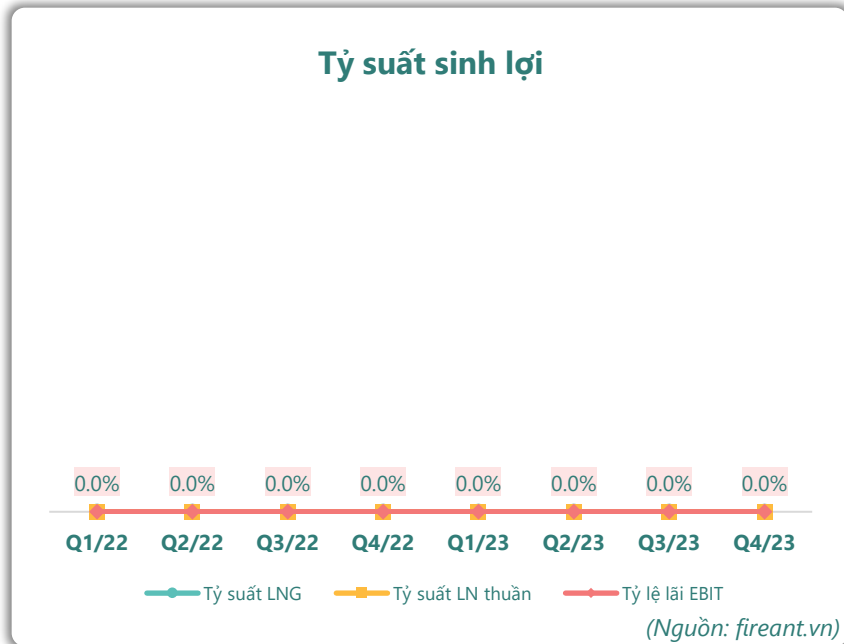
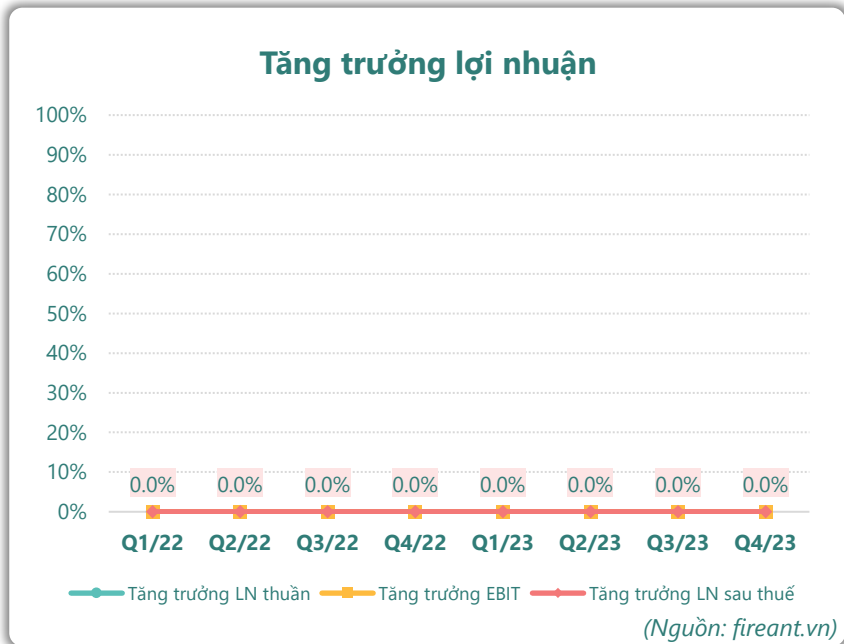
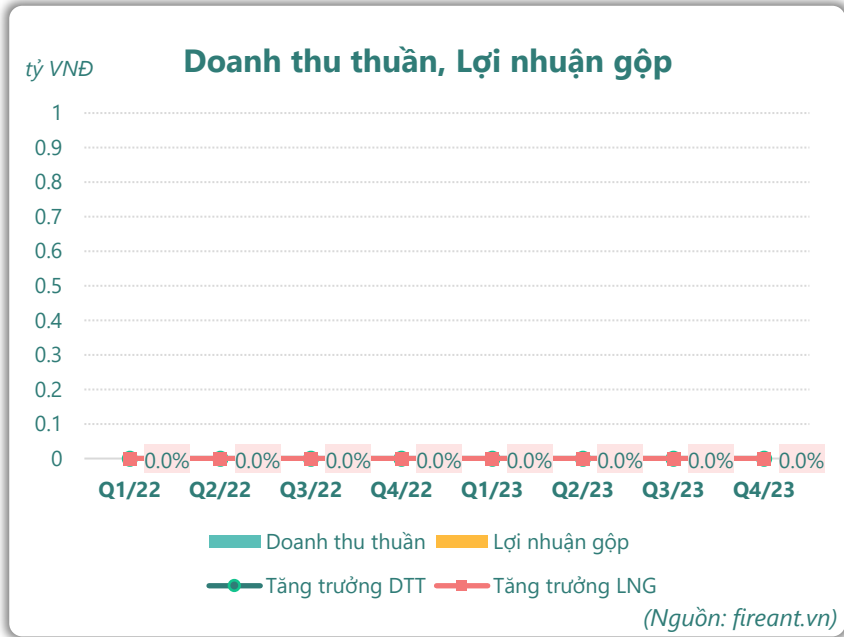
**LN sau thuế**  
2023

**16.9**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼22.0| -56.7%



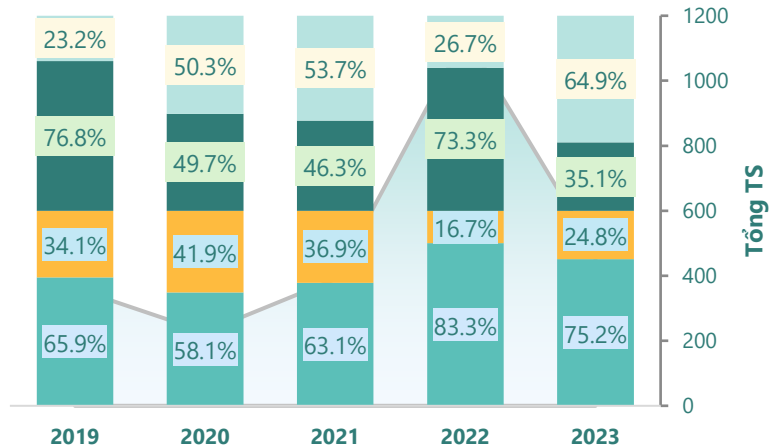
# KẾT QUẢ KINH DOANH



# TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

### Cơ cấu Tổng tài sản

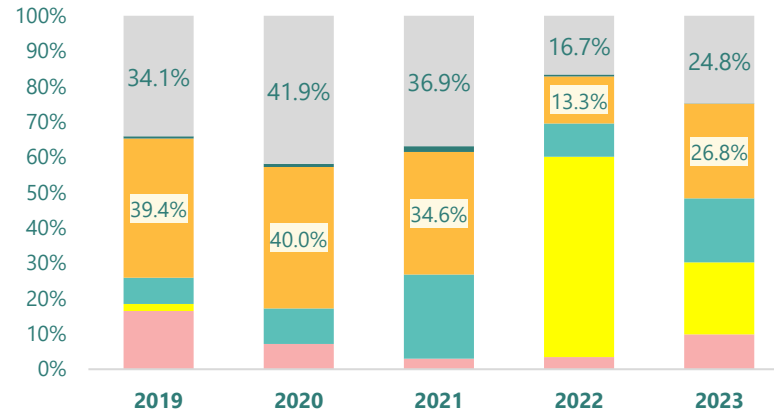
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản 
 ■ TS ngắn hạn 
 ■ TS dài hạn 
 ■ Nợ phải trả 
 ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

### Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

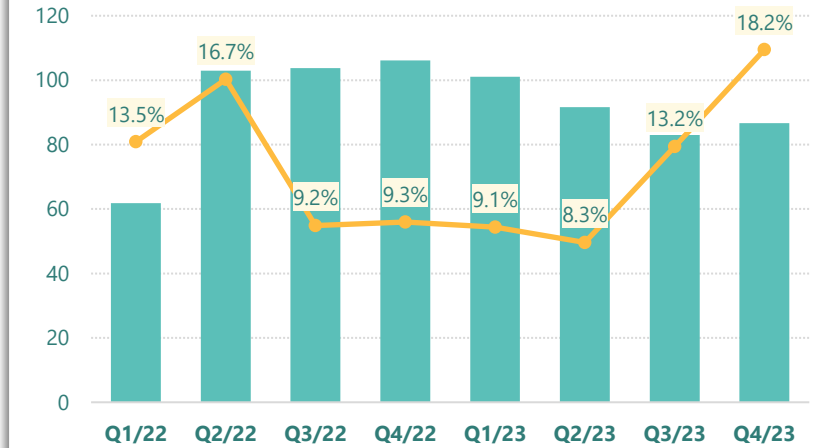


■ Tiền và tương đương tiền 
 ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn 
 ■ Phải thu ngắn hạn 
 ■ Hàng tồn kho 
 ■ Tài sản ngắn hạn khác 
 ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản cố định

tỷ VNĐ

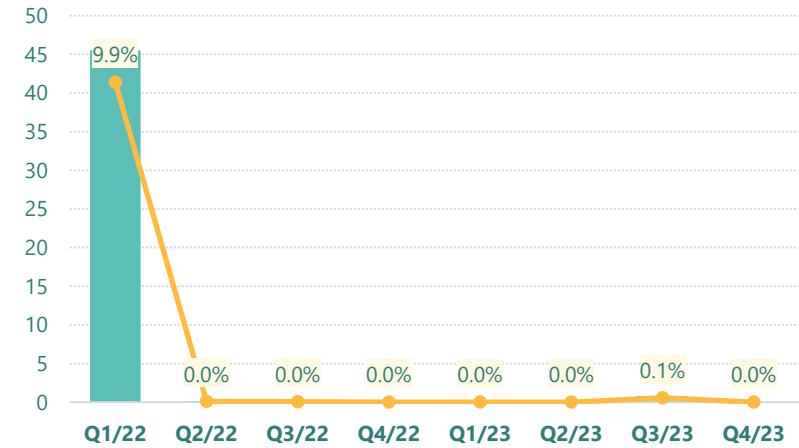


■ Tài sản cố định 
 —●— TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

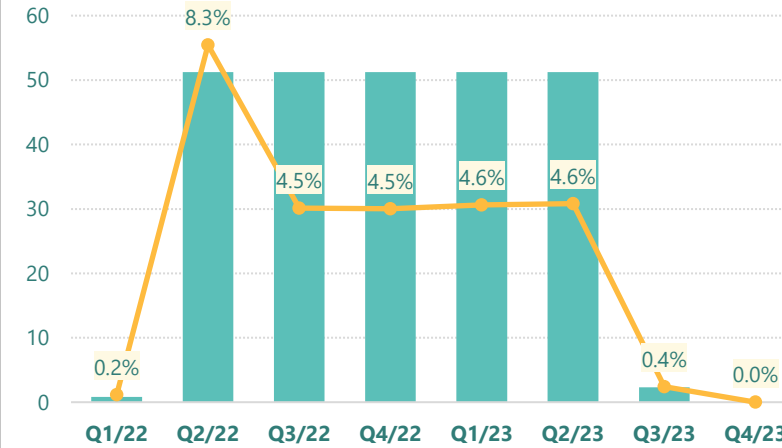


■ Tài sản dở dang 
 —●— TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

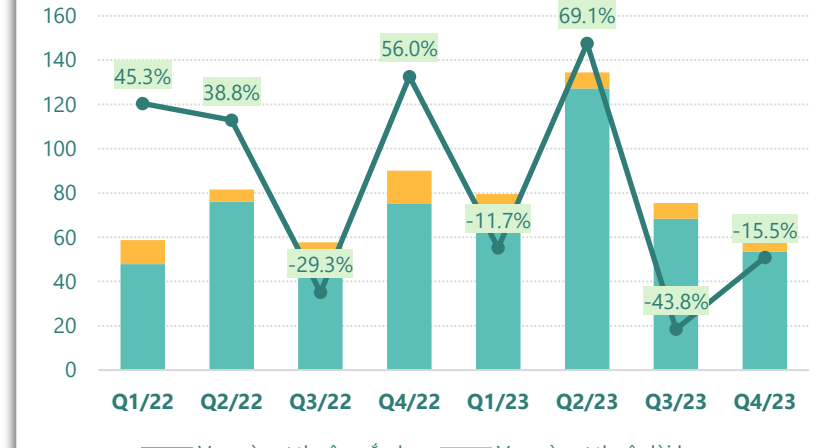


■ Đầu tư tài chính dài hạn 
 —●— ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Nợ vay

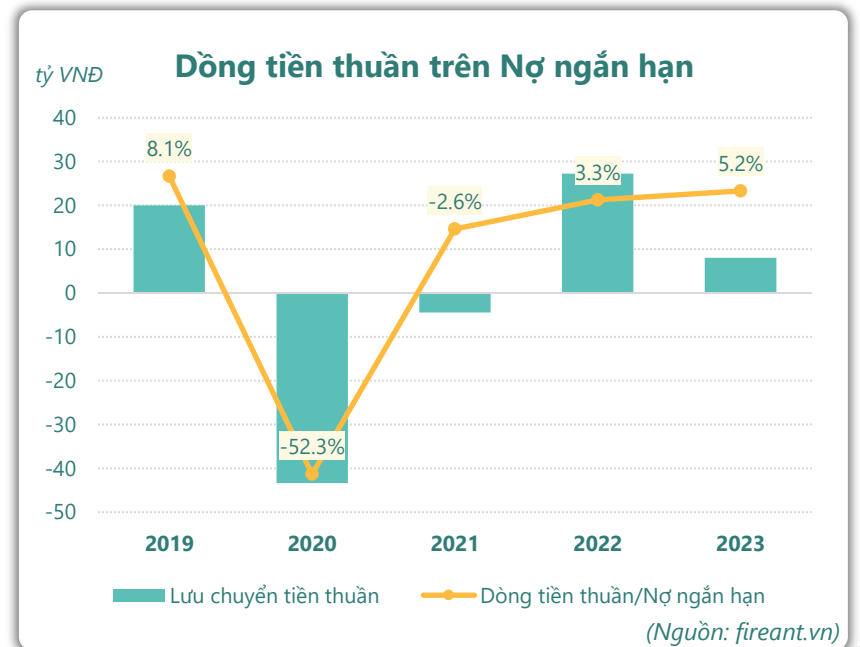
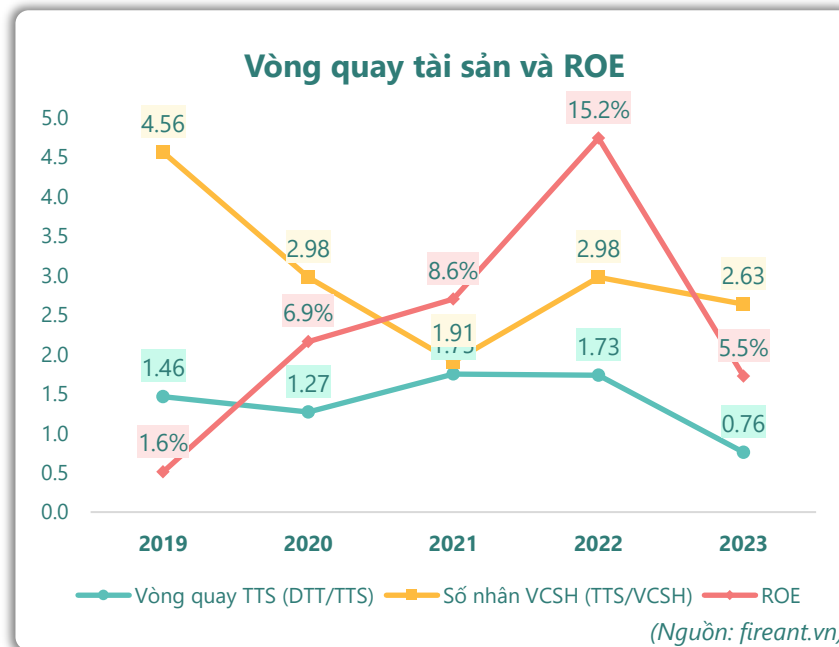
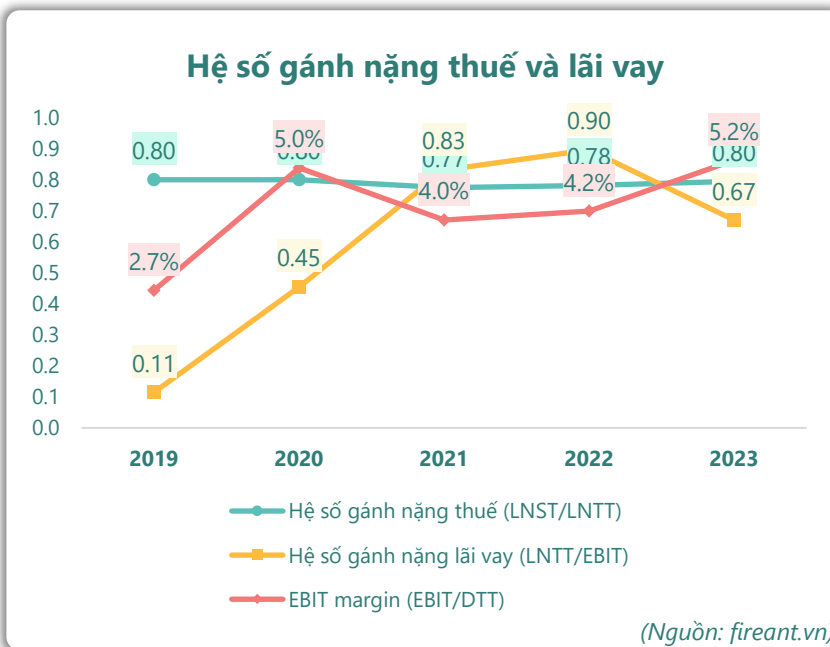
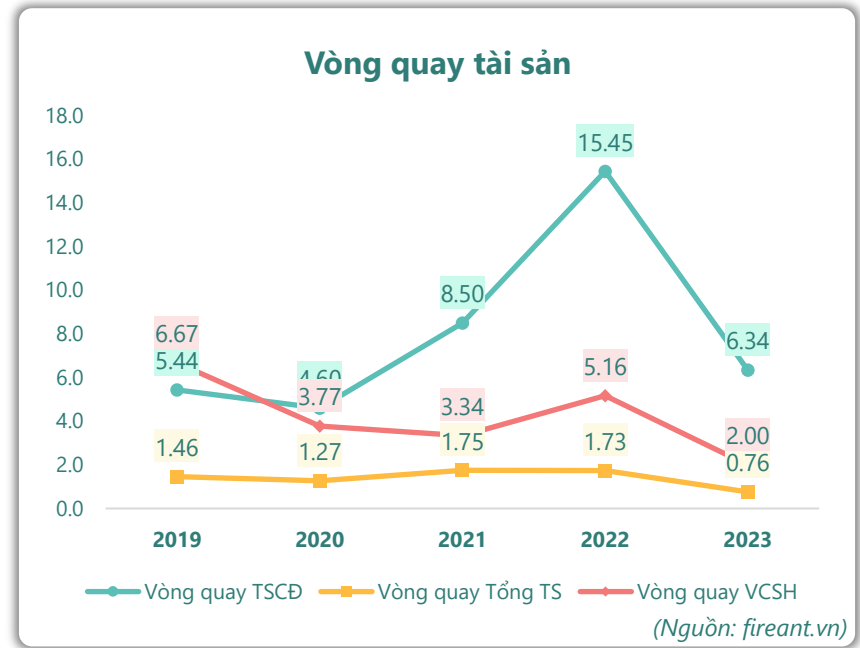
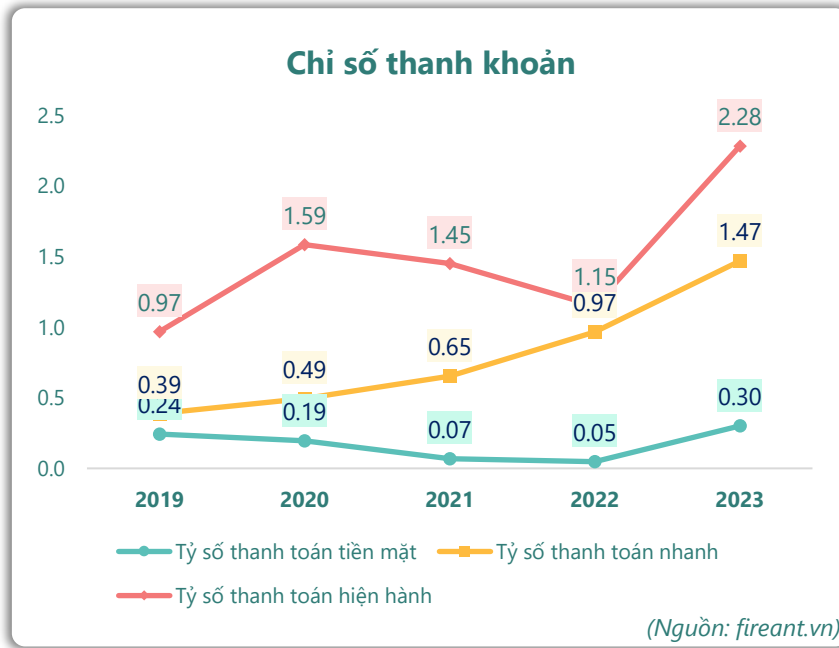
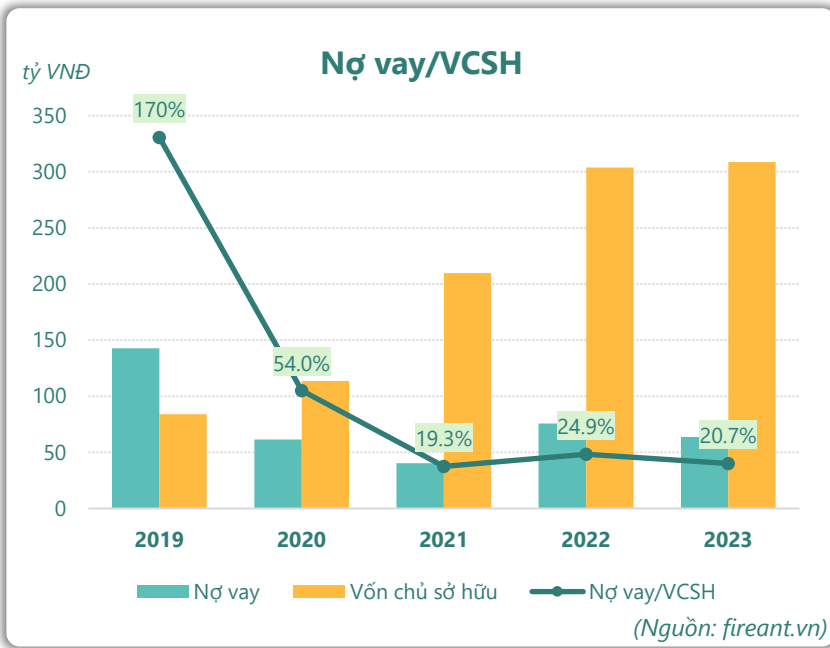
tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn 
 ■ Vay và nợ thuê dài hạn 
 —●— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

# HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>611</b>	<b>1,325</b>	<b>-53.9%</b>
Giá vốn hàng bán	0	0.00		577	1,229	-53.1%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>34.8</b>	<b>96.1</b>	<b>-63.8%</b>
Doanh thu HĐTC	0	0.00		37.5	3.38	1010%
Chi phí TC	0	0.00		23.9	10.8	120%
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>10.5</b>	<b>5.76</b>	<b>81.6%</b>
LN trong công ty LKLD	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	
Chi phí bán hàng	0	0.00		8.91	9.19	-3.0%
Chi phí QLDN	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>19.6</b>	<b>27.0</b>	<b>-27.3%</b>
<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>19.9</b>	<b>52.4</b>	<b>-62.1%</b>
Lợi nhuận khác	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>1.33</b>	<b>-2.63</b>	<b>151%</b>
<b>LN trước thuế</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>21.2</b>	<b>49.8</b>	<b>-57.4%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>16.9</b>	<b>38.9</b>	<b>-56.7%</b>
<b>LNST của CĐ cty mẹ</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>16.9</b>	<b>38.9</b>	<b>-56.7%</b>

(Nguồn: fireant.vn)

**Lưu chuyển tiền tệ**

(tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-95.4	-28.8	15.1	-40.6	-492	-78.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	118	14.2	-2.57	-32.8	620	41.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.7	36.0	8.04	50.7	-47.2	-33.1
Tiền đầu kỳ	5.66	17.3	39.0	59.5	37.0	117
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>11.6</b>	<b>21.4</b>	<b>20.5</b>	<b>-22.7</b>	<b>80.4</b>	<b>-70.2</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.12	-0.12	0
Tiền cuối kỳ	17.3	38.7	59.5	37.0	117	47.1

(Nguồn: fireant.vn)

**CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>475</b>	<b>1,138</b>	<b>-58.2%</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>357</b>	<b>948</b>	<b>-62.3%</b>
Tiền và tương đương tiền	47.1	39.0	20.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	96.7	645	-85.0%
Phải thu ngắn hạn	85.8	107	-19.8%
Hàng tồn kho	127	152	-15.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.19	5.55	-96.5%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>118</b>	<b>190</b>	<b>-37.8%</b>
Phải thu dài hạn	0.98	1.86	-47.6%
Tài sản cố định	86.7	106	-18.3%
Bất động sản đầu tư	30.0	30.0	0.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	51.2	-100%
Tài sản dài hạn khác	<b>0.26</b>	<b>0.32</b>	<b>-18.8%</b>
Lợi thế thương mại	0	0	
<b>Nợ phải trả</b>	<b>166</b>	<b>834</b>	<b>-80.0%</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>156</b>	<b>823</b>	<b>-81.0%</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	53.6	64.9	-17.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	30.5	726	-95.8%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>10.2</b>	<b>10.7</b>	<b>-4.7%</b>
Vay và nợ thuê dài hạn	10.2	10.7	-4.7%
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>309</b>	<b>304</b>	<b>1.6%</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>309</b>	<b>304</b>	<b>1.6%</b>
Vốn điều lệ	240	240	0.0%
<b>Kinh phí và quỹ khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

(Nguồn: fireant.vn)